

ÁP DỤNG MÔ HÌNH HỌC HỢP TÁC CỦA SPENCER KAGAN TRONG GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ

NGUYỄN THỊ HƯƠNG¹ - TRẦN THỊ DUNG²
NGUYỄN MINH HÀ³ - NGÔ THỊ MINH HẢI⁴ - NGUYỄN THỊ HUYỀN⁵

Abstract: Cooperative learning (CL) has been widely applied in the world and has been considered a new trend of education in the 21st century (Trình Văn Bieu, 2011). The cooperative learning model is a learner-centered teaching method which encourages students' interaction and promotes self-study. Therefore, teachers can make use of this model in class, especially for English specialized subjects. However, in Vietnam, the application of CL is still limited because teachers lack of knowledge and skills on cooperative teaching. This article presents the process of applying Spencer Kagan's cooperative learning model in teaching English specialized subjects for English-major learners, thereby helping teachers and students to easily use it in the classroom. The results obtained from questionnaire and interview's data depict a significant improvement in teaching and learning English specialized subjects. In addition, the study also provides suggestions on how to apply Spence Kagan's cooperative learning model to enhance their teaching and learning.

Key words: *cooperative learning, Spencer Kagan's model, specialized English, education, learners.*

1. Mở đầu

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế, văn hoá toàn cầu hiện nay, việc sử dụng ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh chuyên ngành nói riêng trong công việc ngày càng trở nên quan trọng. Tuy nhiên, việc giảng dạy các học phần chuyên ngành ở một số trường đại học ở Việt Nam hiện nay còn nhiều bất cập và chưa thực sự mang lại hiệu quả. Nguyên nhân là do chương trình nặng về lí thuyết, độ khó cao, phương pháp truyền thụ của giảng viên chủ yếu là phương pháp diễn giảng, chưa hướng tới yếu tố lấy người học làm trung tâm. Bài viết này đề cập đến việc vận dụng mô hình Học hợp tác (HHT) của Spencer Kagan vào giảng dạy các học phần chuyên ngành tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ, từ đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn tiếng Anh ở các trường đại học nói chung và Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội nói riêng.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lí thuyết

2.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Lí thuyết về HHT xuất hiện nhiều trong các lí luận ở phương Tây, bắt nguồn từ quan điểm dạy học lấy người học với hoạt động học là trung tâm. Johnson D. W., & Johnson, F. [7] cho rằng học tập hợp tác là phương pháp giáo dục chia người học theo nhóm nhỏ để cùng nhau học tập nhằm thúc đẩy hiệu quả học tập của cả cá nhân và tập thể. Ngoài ra, theo nghiên cứu của Johnson Roger, T., & Johnson, D.W [6], HHT là toàn bộ những hoạt động học tập mà người học thực hiện cùng nhau theo các nhóm nhỏ để nhằm hoàn thành những mục tiêu chung. Như vậy, có rất nhiều định nghĩa về HHT, tuy nhiên, nhìn chung phương pháp này có những đặc điểm sau:

^{1, 2, 3, 4, 5} Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

- Người học sẽ làm việc theo nhóm ở các hoạt động học tập như các dự án nghiên cứu.
- Người học sẽ làm việc theo các nhóm nhỏ từ hai đến năm người để hoàn thành nhiệm vụ.
- Người học làm việc cùng nhau để hoàn thành công việc chung hoặc tham gia vào các hoạt động học tập một cách hợp tác và tích cực.
- Các hoạt động được thiết kế để người học có thể hỗ trợ nhau hoàn thành nhiệm vụ chung hoặc các hoạt động học tập.

2.2. Cơ sở lý thuyết

2.2.1. Mô hình học hợp tác

Học tập hợp tác là một chiến lược giảng dạy trong đó các nhóm nhỏ người học làm việc cùng nhau để hoàn thành các mục tiêu học tập chung của cả nhóm và mục tiêu cá nhân. Để thực hiện được hiệu quả mô hình HHT, giáo viên cần áp dụng các cấu trúc khác nhau. Đây là những chiến lược được tiến hành bằng cách tuân thủ nghiêm ngặt các bước đã vạch ra cho mỗi hoạt động, giúp người học hoàn thành được nhiệm vụ của mình trong các nhóm HHT. Có thể nói, HHT là một phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm vì nó thúc đẩy sự tham gia của người học thông qua các hoạt động học tập theo nhóm.

Theo Johnson và Johnson [5], có 5 nguyên tắc cơ bản của học tập hợp tác:

- *Sự phụ thuộc lẫn nhau*: Lớp HHT thúc đẩy sự phụ thuộc lẫn nhau tích cực theo ba cách. Thứ nhất, sự phụ thuộc lẫn nhau tích cực được cải thiện khi học viên trong một nhóm được giao một tài liệu học tập để học cùng nhau và đảm bảo rằng tất cả các thành viên trong nhóm đều hiểu tài liệu đó. Thứ hai, mọi thành viên trong nhóm đều có cơ hội đóng góp vào bài tập nhóm. Thứ ba, để thúc đẩy sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực, mỗi thành viên trong nhóm đều có một nhiệm vụ để thực hiện. Nếu người học nào không hoàn thành sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của cả nhóm.

- *Trách nhiệm cá nhân*: Trách nhiệm cá nhân là một nguyên tắc của HHT, đảm bảo mỗi học viên có trách nhiệm với việc học của mình cũng như việc học của cả nhóm.

- *Tương tác mặt đối diện*: Người học được khuyến khích tham gia vào nguyên tắc tương tác mặt đối diện thông qua các hoạt động như: thảo luận, tranh luận, dạy kèm cho thành viên trong nhóm. Để đảm bảo nguyên tắc tương tác mặt đối diện hiệu quả nhất, giáo viên cần bố trí chỗ ngồi phù hợp để tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc chia sẻ kinh nghiệm học tập, ý tưởng, kiến thức, đưa ra phản hồi và hỗ trợ nhau hoàn thành mục tiêu học tập.

- *Kỹ năng xã hội*: Kỹ năng xã hội là một trong những nguyên tắc của dạy HHT nhằm giúp người học trải nghiệm vai trò lãnh đạo, cải thiện kỹ năng giao tiếp và rèn luyện kỹ năng giải quyết xung đột để hoạt động hiệu quả theo cặp, nhóm hoặc cả lớp.

- *Chiêm nghiệm về quá trình làm việc nhóm*: Một nguyên tắc quan trọng khác của HHT là chiêm nghiệm về quá trình làm việc nhóm. Các hoạt động được thiết kế theo cách giúp người học kịp thời chiêm nghiệm về những trải nghiệm học tập của họ. Ngoài ra, nguyên tắc này còn giúp giáo viên đánh giá mức độ hiểu biết của người học về một chủ đề cụ thể. Tương tự, người học cũng tự đánh giá việc học của mình bằng cách chia sẻ kinh nghiệm học tập theo các bài học các em đã làm cùng nhóm.

Từ những nguyên tắc trên, có thể thấy trong hoạt động hợp tác nhóm, người học cần nhận thức rõ trách nhiệm giải quyết nhiệm vụ chung. Mỗi cá nhân cũng như toàn nhóm chỉ có thể thành công nếu tất cả cố gắng hết sức mình. Nếu một thành viên nào trong nhóm không hoàn thành thì chắc chắn nhiệm vụ của cả nhóm sẽ không hoàn thành. Tiếp theo, học hợp tác nhóm đòi hỏi sự trao đổi qua lại tích cực giữa các thành viên trong nhóm. Điều đó được thực hiện khi các thành viên nhóm thực hiện quá trình tương tác mặt đối mặt. Bên cạnh đó, người học có cơ hội sử dụng kỹ năng giao tiếp (biết chờ đợi đến lượt,

tóm tắt và xử lý thông tin,...) và kỹ năng xã hội (kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng xây dựng niềm tin,...). Cuối cùng, sau mỗi hoạt động hợp tác, người học được đánh giá quá trình hoạt động của mỗi thành viên nhóm (mặt tốt cần được phát huy và những vấn đề cần rút kinh nghiệm để hoạt động của nhóm hiệu quả hơn).

2.2.2. Cấu trúc học tập hợp tác của Spencer Kagan

Spencer Kagan [10] đã chỉ ra rằng việc sử dụng các cấu trúc trong giảng dạy là một trong những điểm khác biệt giữa phương pháp học tập hợp tác Spencer Kagan và các chiến lược học tập hợp tác khác. Những cấu trúc này có thể được sử dụng để biến các khái niệm và lý thuyết thành quy trình hằng ngày trong lớp học. Trên thực tế, Spencer Kagan [9, tr. 53] đã định nghĩa cấu trúc là “một chuỗi hướng dẫn lặp đi lặp lại nhằm hỗ trợ quá trình làm việc nhóm của học viên, giúp họ thực hiện được các nguyên tắc cơ bản của HHT”. Tiếp đó, Spencer Kagan [10, tr. 6] đã mở rộng định nghĩa về cấu trúc bằng cách nêu rõ: “Cấu trúc học tập hợp tác Kagan là những chiến lược hướng dẫn nhằm giúp giáo viên và người học dạy và học theo những chủ đề khác nhau. Các cấu trúc có thể sử dụng lặp đi lặp lại với nhiều chủ đề để tạo ra các hoạt động mới. Tất cả các cấu trúc Spencer Kagan đều là trình tự các bước được thiết kế cẩn thận nhằm thúc đẩy sự tương tác giữa người học, giữa nội dung học và giảng viên.

Spencer Kagan [10] đã tạo ra hơn 200 cấu trúc, mỗi cấu trúc bao gồm một số bước nhất định giúp giáo viên đạt được mục tiêu bài học. Một số cấu trúc hiệu quả và phổ biến của Spencer Kagan thường được sử dụng trong môi trường học tập như sau:

- *Cấu trúc suy nghĩ - bắt cặp - chia sẻ (think - pair - share)*: Đây là một cấu trúc hợp tác gồm ba bước. Trong bước đầu tiên, mỗi người học suy nghĩ về một câu hỏi do giảng viên đặt ra. Bước thứ hai, người học bắt cặp và trao đổi suy nghĩ. Trong bước thứ ba, các cặp chia sẻ câu trả lời của họ với những cặp khác, các đội khác hoặc cả lớp.

- *Cấu trúc ba bước khi phỏng vấn (three step interview)*: Người học được phân công làm việc theo cặp. Ở bước một, người học phỏng vấn bạn của mình về một chủ đề nhất định. Sau đó người học đổi vai và lặp lại bước đầu tiên. Tiếp theo, các cặp sẽ cùng thảo luận với nhau, chia sẻ những gì học viên đã học được từ hoạt động làm việc theo cặp.

- *Cấu trúc ghép hình (jigsaw)*: Nội dung bài học được chia đều cho tất cả các thành viên trong nhóm để nghiên cứu. Sau khi hoàn thành, người học sẽ chia sẻ những kiến thức họ tìm hiểu được để cả nhóm lắng nghe.

- *Cấu trúc vòng tròn bên trong - bên ngoài (inside - outside circle)*: Với chiến lược này, giáo viên sẽ đưa ra câu hỏi hoặc một vấn đề cho người học. Vai trò của giáo viên trong chiến lược này là hỗ trợ và hướng dẫn người học thảo luận. Giáo viên chia lớp thành hai nhóm tương ứng với hai vòng tròn, một vòng tròn bên trong và một vòng tròn bên ngoài. Người học ở vòng tròn bên trong sẽ đứng đối mặt với người học ở vòng tròn bên ngoài. Lúc này giáo viên đưa ra câu hỏi và người học sẽ có thời gian để suy nghĩ về câu hỏi đó. Sau khi suy nghĩ xong, mỗi người học ở vòng tròn bên trong chia sẻ ý kiến của mình với người học ở vòng tròn bên ngoài và ngược lại. Khi hoàn thành xong, giáo viên yêu cầu người học bước sang trái một bước, tiếp tục thảo luận nhanh với một người học mới. Giáo viên sắp xếp thời gian hợp lý để người học có thể ghi lại những ý tưởng mới.

2.2.3. Nguyên tắc trong mô hình học tập hợp tác của Spencer Kagan

Kagan & High [8] đã chỉ ra bốn nguyên tắc cơ bản của học tập hợp tác (PIES) như sau:

- *Sự phụ thuộc tích cực lẫn nhau (positive interdependence)*: Một trong những nguyên tắc quan trọng của HHT là “sự phụ thuộc tích cực lẫn nhau”. Đó là việc các thành viên trong nhóm cần làm việc cùng nhau để hoàn thành được mục tiêu trong các nhiệm vụ học tập được giao. Vì vậy, mỗi học viên

đều phải có đóng góp nhất định trong nỗ lực chung của cả nhóm. Những đóng góp này xuất phát từ khả năng của người học hoặc từ vai trò, trách nhiệm của người học đó với công việc chung của nhóm.

- *Trách nhiệm cá nhân (individual accountability)*: Trong mô hình HHT thực sự, mỗi cá nhân đều phải đóng góp công bằng cho thành công của nhóm. Vì thế, hoạt động của nhóm sẽ diễn ra bình đẳng, không có thành viên này làm nhiều, thành viên kia làm ít. Tác giả cũng chỉ ra một số cách để nâng cao trách nhiệm cá nhân khi làm việc nhóm như: Giáo viên nên chia nhóm ở quy mô vừa phải. Số lượng thành viên trong nhóm càng ít thì trách nhiệm của cá nhân càng lớn; Giáo viên có thể bắt ngờ kiểm tra bằng cách gọi một người học trình bày về công việc của nhóm; Giáo viên quan sát và ghi lại mức độ thường xuyên đóng góp cho công việc của nhóm của mỗi thành viên; Giáo viên phân công một người học trong nhóm đóng vai trò là người kiểm tra. Nhiệm vụ của người kiểm tra là yêu cầu các thành viên khác trong nhóm giải thích nguyên nhân và cơ sở dẫn tới những câu trả lời của nhóm; Giáo viên yêu cầu người học dạy lại những gì đã được học cho người học khác.

- *Tham gia bình đẳng (Equal participation)*: Nguyên tắc này chỉ ra việc tất cả các thành viên trong nhóm nên có cơ hội tham gia bình đẳng như nhau. Ngoài ra, công việc phải được phân phối chính xác để các thành viên có cùng khối lượng công việc, không có thành viên này nhiều việc hơn thành viên khác.

- *Tương tác trực tiếp (Simulations interaction)*: Nguyên tắc này có thể hiểu là người học cần tương tác trực tiếp, mặt đối mặt với nhau, ngồi đủ gần nhau để cùng thảo luận và hoàn thành công việc chung của nhóm. Mỗi nhóm sẽ có một tiếng nói riêng mà chỉ các thành viên trong nhóm mới hiểu. Những người học ngồi bàn khác sẽ chỉ nghe thấy “tiếng rì rầm” của cuộc nói chuyện nhưng không thể theo dõi được cuộc thảo luận đó. Theo Spencer Kagan, nguyên tắc tương tác trực tiếp tác động đến sự thành công của các thành viên thông qua việc: Giải thích bằng lời nói; Chia sẻ kiến thức mình tìm được cho những thành viên khác trong nhóm; Kiểm tra sự hiểu biết của các người học trong nhóm; Thảo luận các nội dung được học.

2.2.4. Những thuận lợi khi học tập theo mô hình học hợp tác của Spencer Kagan

Dạy HHT theo mô hình của Spencer Kagan thực sự mang lại rất nhiều thuận lợi cho người học như:

- *Nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ theo văn cảnh tự nhiên (natural context)*: Khi làm việc nhóm theo mô hình HHT của Spencer Kagan, người học được sử dụng ngôn ngữ trong thực tế cuộc sống. Từ đó, người học sẽ rèn luyện được khả năng sử dụng ngôn ngữ theo văn cảnh tự nhiên.

- *Có nhiều cơ hội được thể hiện bản thân*: Thay vì việc ngại ngùng, lo sợ khi thể hiện trước lớp, người học sẽ cảm thấy thoải mái, tự tin hơn khi bày tỏ quan điểm của mình với nhóm.

- *Nhận được sự hỗ trợ của các thành viên (peer support)*: Khi làm việc theo nhóm, người học sẽ được hỗ trợ, khích lệ động viên để cùng hoàn thành một mục tiêu chung.

- *Nâng cao động lực học (enhanced motivation)*: Khi học theo cấu trúc của Spencer Kagan, tất cả các thành viên trong nhóm cần làm theo một quy trình. Vì vậy, người học sẽ có nhiều động lực học, tìm hiểu nội dung, tìm ra tiếng nói chung để hoàn thành bài tập nhóm.

- *Nâng cao kỹ năng xã hội (social skills)*: HHT giúp người học tăng cường các kỹ năng xã hội như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng làm việc nhóm, ... Vì thế, người học được học trong môi trường HHT thường lịch sự và quan tâm đến những người khác hơn người học học theo các lớp học thông thường.

- *Tăng cường khả năng sử dụng ngôn ngữ đa dạng (greater language use)*: Khi làm việc với các cấu trúc của Spencer Kagan, học viên có nhiều thời gian thực hành nói trên lớp. Ngược lại, ở các lớp học thông thường, nếu giáo viên đặt ra một câu hỏi để cả lớp trả lời, sau đó giáo viên gọi lần lượt từng người học phát biểu, người học sẽ không có cơ hội được luyện tập nhiều.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã sử dụng kết hợp 2 phương pháp là nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Cụ thể, nghiên cứu áp dụng mô hình HHT của Spencer Kagan trong việc giảng dạy các học phần chuyên ngành tiếng Anh đã sử dụng 2 công cụ nghiên cứu chính là bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn.

3.1. Bối cảnh nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện tại khoa Ngoại ngữ (nay là Trường Ngoại ngữ - Du lịch) thuộc Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội trong năm học 2021-2022, giai đoạn Nhà trường triển khai học trực tuyến nhằm ứng phó với đại dịch Covid-19. Trong học kỳ 1 của năm học, trường đã ứng dụng giải pháp công nghệ nhằm đảm bảo việc triển khai hoạt động dạy và học trực tuyến đạt hiệu quả. Đối với khoa Ngoại ngữ, hầu hết các học phần chuyên ngành tiếng Anh đã áp dụng mô hình học kết hợp. Vì thế, ngoài giờ học trực tuyến với giáo viên qua ứng dụng Microsoft Teams/ Zoom, người học có thể truy cập hệ thống đại học điện tử trực tuyến eop.edu.vn hoặc sv.dhcnhn.vn để chủ động trang bị kiến thức. Học kỳ 2 của năm học, nhà trường tổ chức dạy học trực tiếp hoặc kết hợp (trực tiếp + trực tuyến) cho toàn bộ các lớp học phần, vì thế các học phần chuyên ngành tiếng Anh được triển khai tại các phòng học lí thuyết có trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ dạy - học (máy chiếu, màn chiếu, loa,...). Đặc biệt, một số giảng viên giảng dạy các học phần chuyên ngành tiếng Anh đã áp dụng mô hình HHT của Kagan với mục đích tăng sự quan tâm, chú ý lẫn nhau, và giúp đỡ ủng hộ nhau trong học tập.

3.2. Tham thể nghiên cứu

Nghiên cứu được áp dụng với 175 người học năm thứ 3 và thứ 4 ngành Ngôn ngữ Anh và 5 giảng viên khoa Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội tham gia vào nghiên cứu. Hầu hết người học đều đã có cơ hội trải nghiệm mô hình HHT trong các giờ học tiếng Anh với ít nhất 2 tiết học trực tiếp trên lớp mỗi tuần. Bên cạnh đó, các giáo viên tham gia vào nghiên cứu đều là những giáo viên nhiệt huyết, có từ ba đến năm kinh nghiệm giảng dạy khối chuyên ngữ, ngành Ngôn ngữ Anh trở lên. Các cô đều biết đến cũng như đã và đang vận dụng mô hình HHT của Kagan trong các giờ giảng của mình.

3.3. Câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm đánh giá tính hiệu quả của mô hình HHT đối với người học chuyên ngữ khi học các học phần chuyên ngành tiếng Anh. Vì thế, nhóm tác giả tập trung vào 2 câu hỏi nghiên cứu sau:

- Mô hình HHT của Spencer Kagan cải thiện việc học các học phần chuyên ngành tiếng Anh của người học chuyên ngữ như thế nào?
- Người học có những ý kiến gì về mô hình HHT của Spencer Kagan?

3.4. Công cụ nghiên cứu

3.4.1. Phiếu câu hỏi điều tra - thăm dò ý kiến

Để thu thập được dữ liệu đánh giá hiệu quả về mô hình HHT của Spencer Kagan, nhóm nghiên cứu đã tiến hành thu thập dữ liệu qua bảng câu hỏi điều tra. Bộ bảng câu hỏi điều tra - thăm dò ý kiến được thiết kế trên tiện ích Google Forms dành riêng cho người học. Các loại câu hỏi được dùng trong bảng câu hỏi điều tra - thăm dò ý kiến là các câu hỏi đóng. Cấu trúc bảng câu hỏi điều tra - thăm dò ý kiến được chia thành 2 phần với 2 nội dung trọng tâm: Thông tin cơ bản cá nhân của người học tham gia khảo sát và quan điểm, đánh giá của người học về mô hình HHT Spencer Kagan.

3.4.2. Phỏng vấn

Để làm sáng tỏ nguồn thông tin thu được từ bảng câu hỏi điều tra - thăm dò ý kiến và quan sát, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn ngẫu nhiên trực tiếp một số giáo viên. Các câu hỏi phỏng

vấn được thiết kế, phát triển theo loại phỏng vấn bán cấu trúc dựa theo danh mục các câu hỏi đã được đề cập đến trong bảng câu hỏi khảo sát theo từng nhóm nhỏ.

3.5. Quy trình nghiên cứu

Quy trình thu thập dữ liệu được tiến hành qua 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Nghiên cứu phân tích tài liệu, cơ sở lý luận về mô hình HHT của Spencer Kagan.
- Giai đoạn 2: Tiến hành nghiên cứu và thu thập dữ liệu phản hồi của giáo viên và người học bằng việc sử dụng các công cụ nghiên cứu: bảng câu hỏi khảo sát ý kiến, phỏng vấn.
- Giai đoạn 3: Xử lý và phân tích dữ liệu.

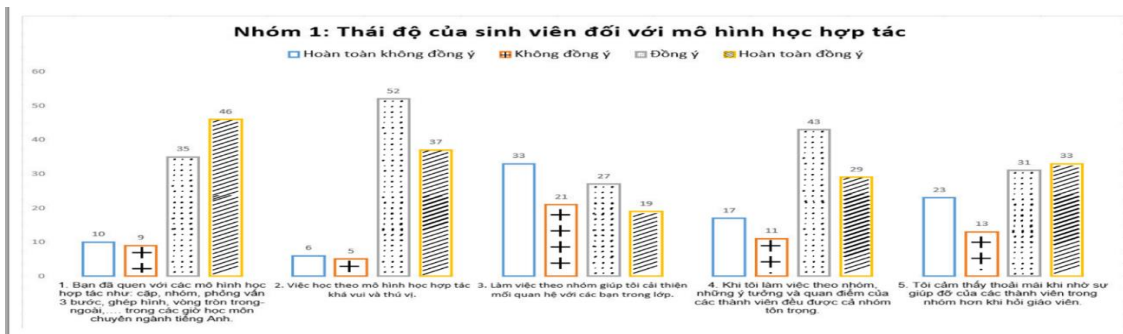
3.6. Xử lý và phân tích dữ liệu

Dữ liệu thu về từ công cụ bảng câu hỏi điều tra - thăm dò ý kiến được nhóm nghiên cứu sử dụng phần mềm trang tính Excel để xử lý thành dạng số liệu theo tỉ lệ phần trăm, giá trị trung bình. Số liệu được trình bày theo hình thức biểu đồ hoặc bảng thống kê nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm ra kết quả, trả lời cho câu hỏi nghiên cứu. Thêm vào đó, 5 giáo viên được mời tham gia vào nghiên cứu sẽ được mã hoá theo thứ tự Giáo viên 1, 2, 3, 4, 5 nhằm đảm bảo quyền riêng tư cho họ và tăng tính bảo mật cho nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

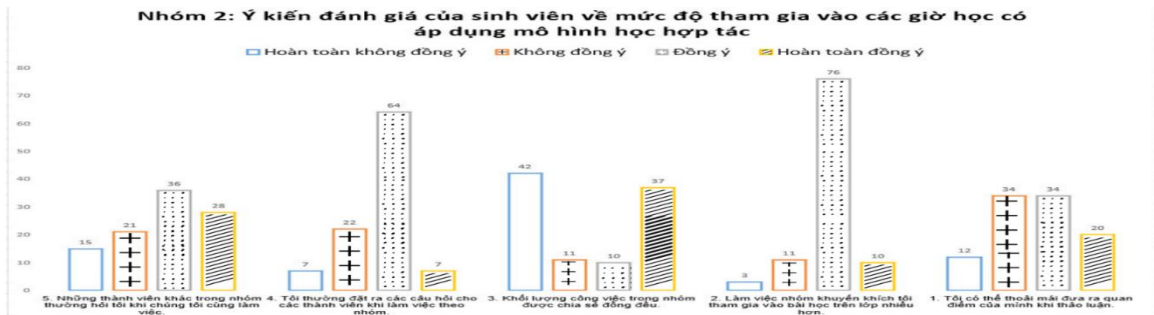
4.1. Kết quả từ phiếu câu hỏi điều tra - thăm dò ý kiến

4.1.1. Thái độ của người học đối với mô hình học hợp tác



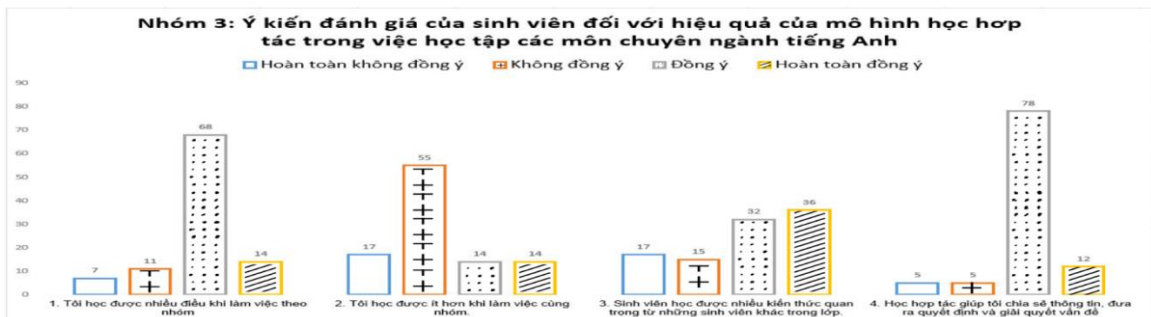
Từ biểu đồ cho thấy đa số người học thể hiện thái độ tích cực với mô hình HHT Spencer Kagan. Cụ thể, có 81% số người học được hỏi (35% đồng ý và 46% hoàn toàn đồng ý) đã quen với các mô hình HHT như: cặp, nhóm, phỏng vấn 3 bước, ghép hình, vòng tròn trong - ngoài, ... trong các giờ học học phần chuyên ngành tiếng Anh. Bên cạnh đó, 89% (52% đồng ý và 37% hoàn toàn đồng ý) người học cảm thấy việc học theo mô hình HHT khá vui và thú vị. Tương tự, yếu tố *Khi tôi làm việc theo nhóm, những ý tưởng và quan điểm của các thành viên đều được cả nhóm tôn trọng* cũng nhận được sự đồng tình khá cao từ học viên (72%). Bên cạnh đó, 64% người học đồng ý với quan điểm *Tôi cảm thấy thoải mái khi nhờ sự giúp đỡ của các thành viên trong nhóm hơn khi hỏi giáo viên*. Tuy nhiên, 54% (33% hoàn toàn không đồng ý và 21% không đồng ý) người học không đồng tình với ý kiến *Làm việc theo nhóm giúp tôi cải thiện mối quan hệ với các bạn trong lớp*. Có thể giải thích điều này là do một số em yếu chưa tập trung tham gia làm việc nhóm, dẫn đến việc một số nhóm không đoàn kết trong quá trình học tập.

4.1.2. Ý kiến đánh giá của người học về mức độ tham gia vào các giờ học có áp dụng mô hình học hợp tác



Từ biểu đồ cho thấy, yếu tố đầu tiên *Tôi có thể thoải mái đưa ra quan điểm của mình khi thảo luận* đạt tỉ lệ 46% người học hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý, 54% người học đồng ý và hoàn toàn đồng ý. Tiếp theo, những ý kiến chiếm tỉ lệ cao số lượng học viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý là *Làm việc nhóm khuyến khích tôi tham gia vào bài học trên lớp nhiều hơn* (86%), *Tôi thường đặt ra các câu hỏi cho các thành viên khi làm việc theo nhóm* (71%), *Những thành viên khác trong nhóm thường hỏi tôi khi chúng tôi cùng làm việc* (64%). Tuy nhiên, 53% số lượng người học không đồng tình với ý kiến *Khối lượng công việc trong nhóm được chia sẻ đồng đều*.

4.1.3. Ý kiến đánh giá của người học đối với hiệu quả của mô hình học hợp tác trong việc học tập các học phần chuyên ngành tiếng Anh



Từ biểu đồ cho thấy các yếu tố chiếm tỉ lệ cao người học đồng ý và hoàn toàn đồng ý là *Học hợp tác giúp tôi chia sẻ thông tin, đưa ra quyết định và giải quyết vấn đề* (90%), *Tôi học được nhiều điều khi làm việc theo nhóm* (82%), *Người học học được nhiều kiến thức quan trọng từ những người học khác trong lớp* (68%). Tuy nhiên, 72% số học viên không đồng ý với quan điểm *Tôi học được ít hơn khi làm việc cùng nhóm*.

4.2. Kết quả từ bảng câu hỏi phỏng vấn

Khi tiến hành phỏng vấn giáo viên với câu hỏi đầu tiên: *Theo anh/chị, mục đích chính của việc thực hiện các cấu trúc học HHT Spencer Kagan trong lớp học của anh/chị là gì?*, giáo viên số 2 trả lời rằng “Theo tôi, mục đích chính của việc thực hiện các cấu trúc này là giúp người học cải thiện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp. Đồng thời, người học biết cách thể hiện quan điểm và lắng nghe, tôn trọng quan điểm của các thành viên trong nhóm”. Khi được hỏi câu hỏi số 2 *Theo anh/chị, việc áp dụng cấu trúc HHT Spencer Kagan mang lại lợi ích gì cho người học?*, giáo viên số 1 cho rằng “Giảng dạy theo các cấu trúc HHT Kagan giúp tôi dạy được những người học có

năng lực học khác nhau. Vì thế những người học yếu cũng có thể theo kịp bài học. Hơn nữa, các em được tăng cường khả năng sử dụng ngôn ngữ đa dạng, đây là một yếu tố rất quan trọng giúp người học cải thiện được bản thân”. Bên cạnh đó, giáo viên số 4 cũng chỉ ra rằng “Mô hình HHT Spencer Kagan giúp cho lớp học của tôi sôi nổi hơn, người học hào hứng hơn khi tham gia vào bài học”. Với câu hỏi cuối cùng, *Những bất lợi của việc thực hiện cấu trúc học tập hợp tác Spencer Kagan trong lớp học của anh/chị là gì? Làm thế nào để anh/chị giải quyết được những vấn đề đó?*, giáo viên số 3 và số 5 đều cho rằng chương trình học các học phần chuyên ngành tiếng Anh khá dài, ảnh hưởng không ít đến việc áp dụng các cấu trúc HHT Spencer Kagan. Giáo viên số 5 kiến nghị nên chỉnh sửa, giảm tải chương trình học của các học phần chuyên ngành để có thể dễ dàng lồng ghép các cấu trúc HHT Spencer Kagan hơn.

4.3. Bàn luận

Từ việc phân tích bảng biểu ở phần trước, có thể thấy mô hình HHT của Spencer Kagan mang lại những thay đổi tích cực trong quá trình học các học phần chuyên ngành tiếng Anh của người học chuyên ngữ. Thứ nhất, người học được nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ theo văn cảnh tự nhiên. Khi làm việc theo nhóm, người học cần sử dụng tiếng Anh để diễn đạt ý tưởng của mình cho các thành viên khác lắng nghe. Sự tương tác như vậy được cho là tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp thu ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ theo văn cảnh tự nhiên. Thứ hai, HHT giúp các em nâng cao động lực học. Thực tế khi cùng học nhau theo nhóm, người học sẽ có cơ hội chia sẻ những suy nghĩ, thắc mắc cũng như kiến thức, hiểu biết và kinh nghiệm của bản thân một cách tự do, bình đẳng. Điều này giúp người học học hỏi được những ưu điểm, khắc phục những nhược điểm từ những thành viên khác tốt hơn. Khi kiến thức được tổng hợp từ nhiều ý kiến khác nhau sẽ giúp học viên hiểu bài sâu sắc, ghi nhớ tốt và lâu bền hơn. Vì vậy, các em sẽ cảm thấy hào hứng đóng góp ý kiến của cá nhân vào sự thành công chung của cả nhóm. Thứ ba, học viên có cơ hội được nâng cao kỹ năng xã hội khi tham gia vào mô hình HHT Spencer Kagan. Tất cả người học đều có cơ hội bày tỏ ý kiến của mình một cách cởi mở và điều này tạo cơ hội tốt cho những học viên nhút nhát trở nên mạnh dạn hơn. Người học học được cách trình bày ý kiến từ những người học khác nên sẽ cải thiện được kỹ năng giao tiếp, giúp các em hoà nhập với nhóm và tự tin vào bản thân hơn. Ngoài ra, dạy HHT còn giúp người học nâng cao hơn kiến thức, sự hiểu biết và kinh nghiệm xã hội cho mình từ nhiều ý kiến đóng góp khác nhau của các thành viên trong nhóm. Thứ tư, khi học theo mô hình HHT Spencer Kagan, người học được tăng cường khả năng sử dụng ngôn ngữ đa dạng. Từng người học có cơ hội nêu lên quan điểm, ý kiến của riêng mình đóng góp vào công việc chung của nhóm. Chính điều này giúp các em có thể học hỏi được cách sử dụng ngôn ngữ của các thành viên khác, từ đó giúp mở rộng vốn từ vựng. Thứ năm, người học có cơ hội được thể hiện bản thân nhiều hơn khi tham gia vào mô hình HHT Spencer Kagan. Có thể thấy, khi học theo phương pháp này, các em được bày tỏ quan điểm, ý kiến một cách cởi mở. Thông qua các bài học hàng tuần, người học sẽ tự tin hơn và thể hiện được bản thân nhiều hơn. Cuối cùng, khi học theo mô hình HHT Spencer Kagan, người học sẽ nhận được sự hỗ trợ của các thành viên. Người học được thoải mái chia sẻ quan điểm và nhận được sự góp ý, khích lệ, động viên từ các thành viên trong nhóm.

Ngoài ra, từ việc phân tích dữ liệu, có thể nhận ra hầu hết người học có thái độ tích cực đối với mô hình HHT của Spencer Kagan. Học tập theo phương pháp này giúp các em tăng hứng thú và sẵn sàng tham gia vào lớp học. Trong phiếu điều tra, nhiều người học bày tỏ trước kia họ rất ngại thể hiện quan điểm của bản thân. Nhưng từ khi học theo mô hình HHT Spencer Kagan, các em có nhiều cơ hội tương tác với các thành viên nhóm. Sự tương tác này khuyến khích họ sử dụng tiếng Anh nhiều hơn nhưng họ không thấy ngại ngùng vì tất cả đều đang luyện tập. Người học được đóng góp ý kiến nhiều hơn và đã góp phần làm nên thành công chung cho cả nhóm. Thêm nữa, người học có cơ hội hỏi và trả

lời câu hỏi, làm việc theo cặp/nhóm, đưa ra phản hồi và cùng nhau chỉnh sửa bài tập nhóm. Vì vậy, các em được nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tự duy phản biện.

5. Kết luận

Quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu mặc dù có gặp phải một số khó khăn trong quá trình triển khai áp dụng hoạt động do tình hình dịch Covid-19, song nhìn lại một cách tổng thể, nghiên cứu này đã thành công trong việc trả lời hai câu hỏi nghiên cứu. Có thể thấy, mô hình HHT Spencer Kagan cải thiện việc học các học phần chuyên ngành tiếng Anh của người học chuyên ngữ. Cụ thể, mô hình học hợp này mang lại rất nhiều lợi ích cho người học như nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ theo văn cảnh tự nhiên, nâng cao động lực học, nâng cao kỹ năng xã hội, tăng cường khả năng sử dụng ngôn ngữ đa dạng, có nhiều cơ hội được thể hiện bản thân và nhận được sự hỗ trợ của các thành viên. Bên cạnh đó, người học có thái độ tích cực đối với mô hình HHT của Spencer Kagan vì phương pháp này giúp họ tăng hứng thú và sẵn sàng tham gia vào bài học, có nhiều cơ hội tương tác và nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tự duy phản biện.

Với những nỗ lực, cố gắng thực hiện hoàn thành đề tài, nhóm nghiên cứu có một số đề xuất và kiến nghị như sau:

Đối với giáo viên: Mô hình HHT Spencer Kagan thực sự có tác động tích cực đến quá trình dạy học cho người học chuyên ngữ. Thời gian tiên hành mô hình này càng nhiều thì hiệu quả mà nó đem lại càng cao. Vì thế, giáo viên nên áp dụng sao cho phù hợp với học phần học mà mình được phân công giảng dạy. Trước khi lên lớp, giáo viên nên chuẩn bị giáo án đầy đủ và nhắc nhở người học trước khi bắt đầu bài học. Trên lớp, giáo viên nên đưa ra hướng dẫn đầy đủ và quan tâm nhiều hơn đến những người học chưa thành thạo.

Đối với người học: Mô hình HHT Spencer Kagan thúc đẩy sự tự tin và tăng hứng thú học tập cho người học. Hơn thế, phương pháp này giúp cho các hoạt động dạy và học trở nên vui vẻ, thoải mái và đạt hiệu quả cao hơn khi học theo phương pháp truyền thống. Vì thế, người học nên áp dụng mô hình này trong quá trình học các học phần chuyên ngành tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trịnh Văn Biều, *Dạy học hợp tác - một xu hướng mới của giáo dục thế kỷ XXI*, Tạp chí khoa học, 57(2), 87-91, 2011.
2. Burns, A., *Doing action research in English language teaching: A guide for practitioners*, Routledge, New York, London, 2010.
3. Gillies, R. M., *Cooperative learning integrating theory and practice*, Sage publications, California, 2007.
4. Jacobs, G., *Cooperative learning and second language teaching*, Cambridge University Press, Cambridge, 2006.
5. Johnson D.W., Johnson R., *Cooperation and competition: Theory and research*, Interaction, Edina, MN, 1989.
6. Johnson, D. W., & Johnson, R. T., *Learning together and alone: Overview and meta-analysis*, Asia Pacific Journal of Education, 22(1), 95-105, 2002.
7. Johnson, D. W., & Johnson, R. T., *The use of cooperative procedures in teacher education and professional development*, Journal of education for teaching, 43(3), 284-295, 2017.
8. Kagan, S., & High, J., *Kagan structures for English language learners*, ESL Magazine, 5(4), 10-12, 2002.
9. Kagan, S., & Kagan, M., *Kagan cooperative learning*, Kagan Publishing, San Clemente, CA, 2009.
10. Kagan, S., *Kagan cooperative learning structures*, Kagan Publishing, San Clemente, CA, 2013.
11. Mills, G. E., *Action research: A guide for the teacher researcher (4th ed.)*, Pearson, Boston, 2011.